

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2019/QĐST-HNGĐ

Ngày: 29/01/2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,
thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thu Hương

Thư ký phiên họp: Ông Vũ Đình Hiếu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Lò Anh Đ; SN: 1987 và chị Hà Thị Lan Ph; SN: 1987; đều trú tại: C17C, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Chị Ph có mặt, anh Đ vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Anh Lò Anh Đ và chị Hà Thị Lan Ph lấy nhau ngày 11/11/2010, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Anh Đ và chị Ph kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối. Sau khi đã có với nhau 03 con chung, anh Đ và chị Ph thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh Đ không quan tâm, chia sẻ, chăm sóc và giành thời gian cho gia đình. Cuộc sống hôn nhân của 2 người không còn hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa

giải nhiều lần nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung. Hai bên không còn tình cảm và quan tâm đến nhau. Anh Đ và chị Ph đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Anh Đ và chị Ph thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chia tài sản khi ly hôn, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Đ và chị Ph thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh Đ và chị Ph có 03 con chung là cháu Lò Anh M, sinh ngày 14/8/2011; cháu Lò Anh S và Lò Anh L cùng sinh ngày 19/7/2015. Chị Ph được trực tiếp cả 03 cháu cho đến các cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 3 cháu với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng/cháu cho đến các cháu thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 20 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2019.

- Về tài sản, nợ phải trả: Anh Đ và chị Ph tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết.

Ngày 10/01/2019, anh Đ có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án, trong đơn anh Đ không có ý kiến gì khác đối với các yêu cầu trước đây của anh. Do anh Đ vắng mặt nên tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 397/BLTTDS;

Tại phiên họp ngày 29/01/2019, chị Ph không có ý kiến gì khác vẫn giữ nguyên các yêu cầu và đề nghị Tòa án ghi nhận anh Đ có đơn xin vắng mặt căn cứ Khoản 2 Điều 367/BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự: Vụ việc thuộc thẩm quyền thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 2 Điều 29; Điểm b Khoản 2 Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39/BLTTDS. Từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ việc: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của anh Đ và chị Ph về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Căn cứ Khoản 2 Điều 149/BLTTDS và Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Đ và chị Ph mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự; nhưng chị Ph tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ kèm theo của người yêu cầu, Tòa án xác định đây là việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu là anh Đ và chị Ph đều cư trú tại xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 2 Điều 29; Điểm b Khoản 2 Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Ph lấy nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, không thuộc những trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị Ph là hợp pháp. Quá trình chung sống anh Đ và chị Ph đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hai người đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay cả hai đã không còn tình cảm vợ chồng. Anh Đ và chị Ph cùng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đ xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được, anh Đ và chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ và chị Ph.

[4]. Về con chung: Anh Đ và chị Ph thống nhất chị Ph được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu Lò Anh M, Lò Anh S và Lò Anh L cho đến các cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 3 cháu với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng/cháu cho đến các cháu thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng theo tháng vào ngày 20 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2019. Cháu Lò Anh M có ý kiến xin được ở với mẹ phù hợp với thỏa thuận của chị Ph và anh Đ phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa chấp nhận.

[5]. Về tài sản, nợ phải trả: Anh Đ và chị Ph tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết do vậy Tòa án không xem xét.

[6]. Về lệ phí: Anh Đ và chị Ph thỏa thuận chị Ph chịu toàn bộ lệ phí giải quyết là 300.000đ, việc thỏa thuận của anh Đ và chị Ph phù hợp với quy định Khoản 2 Điều 149/BLTTDS và Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án được trừ vào số tiền 300.000đ chị Ph đã nộp tạm ứng lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29; Điểm b Khoản 2 Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39; Khoản 2 Điều 367; Điều 370, 371; Khoản 2 Điều 149/BLTTDS;

- Căn cứ Điều 55; Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Anh Đ và chị Hà Thị Lan Ph thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Ph được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Anh M, sinh ngày 14/8/2011; cháu Lò Anh S và Lò Anh L cùng sinh ngày 19/7/2015 cho đến các cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 3 cháu với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng/cháu cho đến các cháu thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 20 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2019.

Kể từ ngày chị Ph có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ phải trả: Anh Đ và chị Ph tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Ph chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003097 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Điện Biên. Chị Ph đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THA dân sự H. Điện Biên;
- VKSND H.Điện Biên;
- UBND P.Nam Thanh;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đỗ Thu Hương